

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 39/2018/KDTM - ST

Ngày: 18/12/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Dũng

2. Ông Phan Công Ny

Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thái Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2012/TLST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2012 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1070/2018/QĐST-KDTM ngày 09/11/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**

Địa chỉ: 191, phố B, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quốc K1** (Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2018).

* Bị đơn: **Công ty TNHH H**

Địa chỉ: 109 đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Duy B – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn U** sinh năm 1964,

2. Bà **Huỳnh Thị G**, sinh năm 1961,

3. Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1977,

4. Chị **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1981,

5. Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

(Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết – Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH H ký hợp đồng tín dụng số 11068/HĐTD ngày 17/4/2009 với nguyên đơn để vay số tiền 500.000.000 đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận là 10,5%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay này, công ty TNHH H đã thế chấp các thửa đất số 802, 835, 837, 838, 841, TĐĐ số 10, tại ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V536840, cấp ngày 22/7/2002 cho ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị G.

Sau khi vay vốn xong, công ty TNHH H thường xuyên để phát sinh nợ quá hạn, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc công ty H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng công ty vẫn không thực hiện.

Do vậy, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công ty TNHH H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ (gốc và lãi phát sinh) theo hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng, tính đến ngày 28/11/2018 là 947,959,290 đồng (trong đó nợ gốc là 384,781,307 đồng, nợ lãi là 563,177,983 đồng). Nếu bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì buộc bên thứ ba là ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị G phải giao tài sản đã thế chấp đảm bảo cho khoản vay của công ty TNHH H để Ngân hàng để bán xử lý thu hồi nợ.

Phía bị đơn công ty TNHH H: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Tại công văn số 2772 ngày 26/10/2015, Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ xác định công ty TNHH H đăng ký kinh doanh lần đầu vào năm 2005, người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Duy B – chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, có trụ sở chính tại 109 đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, đến thời điểm này chưa đăng ký thay đổi thêm hoặc lập thủ tục giải thể tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với công ty TNHH H nhiều lần tại địa chỉ 109 đường L và tại địa chỉ nhà riêng của ông Vũ Duy B - số 04 đường P2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng bị đơn vẫn không có mặt. Do vậy, Tòa án lập thủ tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị G trình bày: Do nhu cầu vay vốn để sản xuất nông nghiệp nên vợ chồng bà có thỏa thuận miệng với ông Vũ Duy B (chủ công ty H) vay của ngân hàng K số tiền 500.000.000 đồng, thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông bà

đứng tên, diện tích 18.613m². Khi nhận được tiền vay, công ty H đã giao cho ông bà 300.000.000 đồng, công ty giữ 200.000.000 đồng, lãi thỏa thuận đóng theo lãi suất của ngân hàng và hàng tháng ông bà sẽ đưa tiền cho ông B tương ứng với số tiền ông bà đã nhận, để ông B đóng lãi cho ngân hàng.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc yêu cầu phát mãi tài sản của ông bà để thu hồi nợ do công ty H vay ông bà không đồng ý vì hàng tháng khi đến hạn đóng lãi ông bà đều có giao tiền cho ông B để ông B đóng cho ngân hàng.

Ngày 16/5/2015 ông U, bà G có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu được hủy bỏ hợp đồng bảo lãnh vay tiền đã ký với ngân hàng TMCP K về việc bảo lãnh cho hợp đồng tín dụng số 11068/HĐTD ngày 17/4/2009 ký giữa ngân hàng với công ty TNHH H; Yêu cầu ông Vũ Duy B phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng bảo lãnh từ năm 2009 đến tháng 11/2013.

Những người liên quan là Anh N, chị T, anh L – con của ông U, bà G - cùng hộ khẩu với ông U, bà G: Thống nhất với ý kiến của ông U, bà G.

Tại phiên toà:

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi tổng cộng là 952.874.235 (rút lại yêu cầu tính lãi phạt của lãi quá hạn là 55.029 đồng), trong đó tiền gốc là 384.781.307 đồng, nợ lãi là 568.092.928 đồng. Nếu bị đơn không trả được số tiền nêu trên, đề nghị đưa tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 18.613m² đất tại xã P, huyện P1, huyện C, tỉnh Hậu Giang mà ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị G đã thế chấp để phát mãi xử lý thu hồi nợ.

Phía ông U, bà G: Xin rút lại yêu cầu buộc công ty TNHH H phải bồi thường thiệt hại cho ông bà vì vi phạm hợp đồng bảo lãnh nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy hợp đồng bảo lãnh thế chấp đã ký với ngân hàng TMCP K. Nay xin được nhận trách nhiệm trả số nợ gốc còn lại mà phía bị đơn còn nợ, đồng thời xin được giảm bỏ tiền lãi.

Đối với ý kiến của ông U, bà G, đại diện nguyên đơn không đồng ý vì cho rằng ông U, bà G chỉ nêu ý kiến, nhưng chưa lần nào đến ngân hàng thanh toán số nợ còn lại cho bị đơn như ông bà nêu ra, nên nguyên đơn không có căn cứ để xem xét giảm bỏ tiền lãi cho ông bà như đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn xét xử.

Về nội dung tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu. Đối với yêu cầu độc lập của ông U và bà G về việc hủy

hợp đồng bảo lãnh thế chấp là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về “Hợp đồng tín dụng” giữa pháp nhân với pháp nhân. Tranh chấp này do Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Do không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho phía bị đơn – Công ty TNHH H nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo triệu tập cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại địa chỉ nơi bị đơn có đăng ký kinh doanh (cũng là địa chỉ bị đơn xác định khi ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn). Nay căn cứ vào các thủ tục đã được thực hiện hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 179 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Tài liệu và các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn – Ngân hàng TMCP K và công ty TNHH H – có đại diện theo pháp luật là ông Vũ Duy B có ký hợp đồng tín dụng số 11068 ngày 17/4/2009, vay số tiền gốc là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận 10,5%/năm, người vay trả lãi hàng tháng, nợ gốc thanh toán khi đáo hạn. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng 18.613m², của ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị G, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000013 ngày 22/7/2002, đất tọa lạc tại xã P, huyện P1, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Hợp đồng thế chấp được công chứng chứng thực và đăng ký thế chấp đúng quy định.

Sau khi nhận tiền vay, phía bị đơn có thực hiện trả gốc lãi cho nguyên đơn đến 29/10/2010 thì ngưng không tiếp tục đóng cho đến nay. Do vậy đối với số tiền gốc, lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, phía bị đơn tiếp tục phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là có căn cứ (tiền gốc, lãi tính đến ngày xét xử - 18/12/2018 là 952.874.235 đồng)

Về yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn U và Huỳnh Thị G phải giao tài sản đã thế chấp cho nguyên đơn bán thu hồi nợ, yêu cầu này của nguyên đơn là yêu cầu liên quan đến yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về việc hủy hợp đồng thế chấp bảo lãnh số 01258 ký ngày 17/4/2009 với nguyên đơn.

[4] *Xét, yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị G*

Ông U, bà G yêu cầu được hủy hợp đồng bảo lãnh thế chấp số 01258 ký ngày 17/4/2009, theo đó tài sản thế chấp được xác định là quyền sử dụng 18.631m² đất tại

ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Hậu Giang do ông bà là người đứng tên quyền sử dụng đất. Xét, hợp đồng thế chấp này được ký kết trên tinh thần tự nguyện, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C đúng theo quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm được quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự 2005, hợp đồng đã có hiệu lực từ ngày 21/4/2009 (ngày đăng ký thế chấp). Nguyên đơn là bên nhận thế chấp quyền sử dụng đất nên được ưu tiên thanh toán nợ trong trường hợp xử lý quyền sử dụng đất đã thế chấp và có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp khi khoản nợ bảo lãnh đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 720, 721 Bộ luật dân sự 2005. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông U, bà G phải giao tài sản để phát mãi thu hồi cho khoản nợ của công ty TNHH H là có cơ sở, đồng thời là căn cứ để bác yêu cầu của ông U, bà G về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng Bảo lãnh thế chấp nêu trên.

Tại phiên tòa, ông U, bà G đã rút lại yêu cầu về việc buộc ông Vũ Duy B – giám đốc công ty TNHH H phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng bảo lãnh nên không đặt ra xem xét.

[5] *Chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp* là: 8.020.848 đồng. Chi phí này do nguyên đơn đã tạm ứng trước, nay yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền trên theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ. Đối với nhận xét về việc quá thời hạn xét xử, Tòa án ghi nhận và rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết các vụ án sau.

[7] *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí không có giá ngạch trên yêu cầu hủy hợp đồng không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 157; 179, 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 471, 474, 476, 323, 720, 721 Bộ luật dân sự 2005.

Các Điều Từ 90 đến 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Pháp lệnh 10 ngày 27/02/2009 của UBTVQH về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc công ty TNHH H – đại diện theo pháp luật là ông Vũ Duy B phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc là 384.781.307 đồng (ba trăm tám mươi bốn

triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn, ba trăm lẻ bảy đồng) và tiền lãi tính đến ngày 18/12/2018 là 568.092.928 đồng (năm trăm sáu mươi tám triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, chín trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn U và bà Huỳnh Thị G về việc hủy hợp đồng bảo lãnh thế chấp số 01258, ngày 17/4/2009, ký giữa Ngân hàng TMCP K với ông U, bà G và công ty TNHH H.

3. *Chi phí đo đạc, định giá*: Bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 8.020.848 đồng.

4. *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*:

- Bị đơn công ty TNHH H phải chịu: 40.586.227 đồng (bốn mươi triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm hai mươi bảy đồng)

- Nguyên đơn được nhận lại: 12.660.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 004214 ngày 27/6/2012 tại Chi cục thi hành án quận N.

- Ông Nguyễn Văn U và Huỳnh Thị G phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí ông bà đã nộp theo biên lai thu số 000545 ngày 09/11/2018 thành án phí.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận N;
- TAND TPCT;
- THA;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ